TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 87/2017/QĐST–HNGĐ	*Lào Cai, ngày 20 tháng 7 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 260/2016/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2016 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến K

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, Phường P, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Mai Thị Thu H

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, Phường P, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị H.

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, Phường P, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 – Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 - Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến K và chị Mai Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến K – sinh năm 1970.

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, Phường P, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Mai Thị Thu H – sinh năm 1971

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, Phường P, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo Hiền sinh ngày 26/10/2005 cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thảo H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tiến K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm đồng chẵn) cho đến khi cháu Nguyễn Thảo H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con anh Nguyễn Tiến K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tiến K, chị Mai Thị Thu H và bà Mai Thị H như sau:

Giao cho chị Mai Thị Thu H tiếp tục quản lý sử dụng 91,35m^2 đất có chiều rộng là 4,35m, chiều dài là 21m, phía đông giáp đất nhà bà Mai Thị H, phía tây giáp đất nhà bà Lê Thị L ở tại tổ 27, Phường P, Thành Phố L. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi sử dụng chị Mai Thị Thu H có trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp thuế theo quy định của pháp luật. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây 2 tầng có chiều rộng là 4,35m, chiều dài là 21m, tổng diện tích sử dụng là 91,35m^2 , nhà chung móng, chung tường, chung hố ga với nhà bà Mai Thị H, trị giá ngôi nhà là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Chị Hà được quyền sở hữu tài sản là ngôi nhà 2 tầng trên có nghĩa vụ trả chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Tiến K số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Giao cho bà Mai Thị H tiếp tục quản lý sử dụng 83m^2 đất có chiều rộng là 3,95m, chiều dài là 21m phía đông giáp đất nhà ông Phạm Văn Đ phía tây giáp đất nhà chị Mai Thị Thu H ở tại tổ 27, Phường P, Thành Phố L. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi sử dụng bà Mai Thị H có trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp thuế theo quy định của pháp luật. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp 4 có chiều rộng là 3,95m, chiều dài là 17m, tổng diện tích sử dụng là 70m^2, nhà chung tường, chung móng, chung hố ga với nhà chị Mai Thị Thu H. Ngôi nhà cấp 4 có trị giá 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tương đương với số tiền bà Mai Thị H đóng góp cùng anh Nguyễn Tiến K và chị Mai Thị Thu H để xây dựng hai ngôi nhà trên. Bà Mai Thị H được quyền sở hữu tài sản là ngôi nhà cấp 4 ở tại tổ 27, Phường P, Thành Phố L.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357- Bộ luật Dân sự.

- Về án phí*:* Anh Nguyễn Tiến K phải chịu 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) anh K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009674 ngày 28/10/2016 của Thi hành án dân sự Thành Phố L. Xác nhận anh K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án phí chia tài sản: Chị Mai Thị Thu H phải chịu tiền án phí chia tài sản chung khi ly hôn phần tài sản chị Hà được hưởng là 12.000.000đ (Mười hai triệu

đồng chẵn). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị H đã nộp là 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009825 ngày 5/01/2017 của Thi hành án dân sự Thành Phố L .Hoàn trả lại cho chị Mai Thị Thu H tiền chênh lệch là: 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Tiến K phải chịu tiền án phí chia tài sản chung khi ly hôn phần tài sản anh K được hưởng là 8.750.000đ (Tám triệu bẩy trăm lăm mươi nghìn đồng). Bà Mai Thị H không phải chịu tiền án phí phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho bà Mai Thị H, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Tiến K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004224 ngày 27/4/2017 của Thi hành án dân sự Thành Phố L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND TP
- THADSTP;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – Tập QĐ.
- *UBND xã, phường*

Thẩm phán

Đỗ Thị Thanh Hương